

Bản án số 57/2019/HS-ST
Ngày 14-8- 2019

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chinh

2. Bà Nguyễn Thị HoA

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương GiAg- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Văn T**, sinh năm 2000 tại xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg; nơi cư trú: Thôn Nghĩa A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn HoA và bà Nguyễn Thị ThAh; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2019 đến ngày 29/3/2019. Hiện tại ngoại (có mặt).

- Người bị hại: Ah Nguyễn Văn Y, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Nghĩa A, P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA: Ah Nguyễn Văn P, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ah Nguyễn Văn Y, sinh năm 1976 trú tại thôn Nghĩa A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg có cửa hàng kinh doAh mua bán xe máy cũ tại nhà. Năm

2016, Ah Y nhận Nguyễn Văn T, sinh năm 2000 trú tại thôn Nghĩa A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg vào làm công việc sửa chữa xe máy. T làm được một thời giA thì nghỉ. Đến khoảng tháng 11 năm 2018 T lại xin vào làm việc tại cửa hàng của Ah Y. Ngày 29/01/2019 Ah Y có mua của Ah Nguyễn Ah Tuấn, sinh năm 1990 ở xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu sơn trắng, số khung 1252FY161808, số máy HC12B7161882, biển số 98B2-753.28 để bán khi được giá. Do kính ốp biển số xe bị vỡ nên Ah Y bảo T tháo ra để thay kính khác, T đã tháo biển số ra nY chưa lắp lại. Ngày 02/02/2019 (tức ngày 28/12 âm), T vẫn làm việc tại cửa hàng của Ah Y. Do đã giáp Tết Kỷ Hợi, bí tiền nên T đã nảy ý định trộm cắp xe mô tô tại cửa hàng của Ah Y mAg bán lấy tiền chi tiêu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, lợi dụng khi Ah Y không có ở nhà, vợ Ah Y đAg bận trông con ở trong phòng không có ai quản lý cửa hàng, T đã mAg chiếc xe mô tô biển số 98B2-753.28 ra khu vực phía trước cửa hàng để vờ lau, rửa. Sau khi quA sát xung quAh thấy không có ai để ý, T đã điều khiển xe đi ra khu vực ngã ba gần nhà T và để xe ở đó rồi đi bộ quay lại cửa hàng của Ah Y làm việc bình thường. Đến khoảng gần 18 giờ cùng ngày, sau khi hết giờ làm việc buổi chiều và cũng hôm đó T được nghỉ tết, T đi ra vị trí cất xe mô tô trộm cắp được rồi điều khiển xe đến khu vực thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam chơi điện tử. Ngày 09/02/2019 T nhờ bạn là Nguyễn Ngọc Tú, sinh năm 2001 ở thôn A Thịnh, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg chỉ chỗ cầm cố xe. Tú đồng ý dẫn T đến nhà Ah Khúc Ngọc T, sinh năm 1985 ở tổ dân phố Phố, thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg để cầm cố chiếc xe do T trộm cắp được 4.000.000 đồng. Số tiền này T khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 19/02/2019, T gặp và nói với Ah Nguyễn Văn P, sinh năm 1996 ở thôn V, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg là T có một chiếc xe mô tô đAg cầm ở chỗ Ah Khúc Ngọc T chưa có tiền chuộc, T bảo Ah P có tiền thì chuộc xe ra làm phương tiện đi lại, P đồng ý và đưa cho T số tiền 4.500.000 đồng để đi chuộc xe. T nhờ Tú dẫn đi chuộc xe, trên đường đi T đưa cho Tú số tiền 4.200.000 đồng để Tú vào chuộc xe. Sau khi chuộc được xe, T giao lại xe cho Ah P. Ngày 23/3/2019 Ah P mAg chiếc xe này ra cửa hàng mua bán xe máy của Ah Y để cầm cố, thấy xe P mAg đến giống chiếc xe của Ah Y bị mất trộm trước đây, Ah Y đã kiểm tra thì phát hiện chiếc xe của P đi chính là chiếc xe máy của Ah Y bị trộm cắp. Ah Y đã làm đơn trình báo sự việc với Công A xã P, huyện Lục Nam, đồng thời giao nộp chiếc xe mô tô này cho Công A xã P để làm căn cứ giải quyết vụ việc. Cùng ngày T đến Công A xã P đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô ở cửa hàng của Ah Y vào ngày 02/02/2019.

Ngày 23/3/2019, Công A xã P đã báo cáo vụ việc và bàn giao hồ sơ cho Cơ quA cảnh sát điều tra Công A huyện Lục Nam giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 25/3/2019, Cơ quA cảnh sát điều tra Công A huyện Lục Nam có văn bản yêu cầu Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam tiến hành định giá chiếc xe mô tô nói trên của Ah Y. Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày

26/3/2019 xác định chiếc xe Wave α , nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng, số khung 1252FY161808, số máy HC12B7161882, biển số 98B2-753.28 trị giá 11.040.000 đồng.

Trong vụ án này, Nguyễn Ngọc Tú là người đưa T đi cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-753.28, Nguyễn Văn P đã chuộc chiếc xe này ra để làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra xác định Tú và P đều không biết chiếc xe này do T trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Khúc Ngọc T là người nhận cầm cố của T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-753.28. Quá trình điều tra xác định Khúc Ngọc T không biết chiếc xe này do Nguyễn Văn T trộm cắp được. Tuy nhiên, việc Khúc Ngọc T nhận cầm cố chiếc xe máy trên khi không có giấy tờ xe đã vi phạm vào điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định 76/NĐ-CP. Ngày 28/5/2019, Công An huyện Lục Nam đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Khúc Ngọc T, mức phạt 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Lục Nam đã tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu sơn trắng đen bạc, số khung 1252FY161808, số máy HC12B7161882 không có biển kiểm soát; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đen bạc, số khung 1252FY161808, số máy HC12B7161882, biển kiểm soát 98B2-753.28. Ngày 20/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Lục Nam đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nói trên cho Ah Nguyễn Văn Y theo quy định. Ah Y đã nhận lại tài sản và yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường cho Ah số tiền 5.000.000 đồng do một số phụ T của xe đã bị thay thế.

Đối với biển kiểm soát 98B2-753.28: Nguyễn Văn T khai nhận trong thời gian sửa xe T đã tháo biển kiểm soát ra để ở cửa hàng của Ah Y, khi T thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe trên không có biển kiểm soát. Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Lục Nam đã tiến hành truy tìm nY không thấy.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công An huyện Lục Nam, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT-VKS ngày 18/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam trình bày lời luận tội, phân tích hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điều luật và xử phạt đối với bị cáo như sau:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ số ngày tạm giữ, tạm giam.

Phạt bị cáo 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 5.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quA điều tra Công A huyện Lục Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại cơ quA điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T, đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ căn cứ kết luận:

Nguyễn Văn T, sinh năm 2000 trú tại thôn Nghĩa A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg là người làm thuê tại cửa hàng mua bán xe máy của Ah Nguyễn Văn Y, sinh năm 1976 ở thôn Nghĩa A, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg. Khoảng 14 giờ ngày 02/02/2019, Nguyễn Văn T lợi dụng sơ hở đã trộm cắp của Ah Y chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu sơn trắng đen bạc, số khung 1252FY161808, số máy HC12B7161882 rồi mAg đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Đến ngày 23/3/2019, T đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Trị giá tài sản do T trộm cắp xác định là 11.040.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị A ở địa phương, gây hoAg mAg, bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo, khoA hồng của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến Công an xã P đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5]. Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, đang trong độ tuổi lao động có điều kiện thi hành án nên ngoài hình phạt chính là phạt tù cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là 5.000.000đ.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, người bị hại Ah Nguyễn Văn Y yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho Ah số tiền 5.000.000đ. Bị cáo đồng ý trả cho Ah Y số tiền trên nên cần được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Nguyễn Ngọc Tú là người đưa T đi cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-753.28, Nguyễn Văn P đã chuộc chiếc xe này ra để làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra xác định Tú và P đều không biết chiếc xe này do T trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với Khúc Ngọc T là người nhận cầm cố của T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-753.28. Quá trình điều tra xác định Khúc Ngọc T không biết chiếc xe này do Nguyễn Văn T trộm cắp được. Tuy nhiên, việc Khúc Ngọc T nhận cầm cố chiếc xe máy trên khi không có giấy tờ xe đã vi phạm vào điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định 76/NĐ-CP. Ngày 28/5/2019, Công an huyện Lục Nam đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Khúc Ngọc T, mức phạt 3.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ 23/3/2019 đến 29/3/2019.

Phạt bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho Ah Nguyễn Văn Y 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo, người bị hại có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Bị cáo;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Người có QLNVLQ vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án, v/p.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân